

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẠI TỪ
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04/7/2023

"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khánh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Hưng
2. Bà Đặng Thị Sinh

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

- **Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Như H – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 54/2023/TLST – HNGĐ, ngày 03/3/2023 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2023/QĐST–HNGĐ, ngày 26/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lâm Thị Ngọc M, sinh năm 2002 (có mặt)

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Trú tại: Xóm L Mỹ, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Lâm Thị Ngọc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn và chung sống với anh Nguyễn Văn T năm 2020, có được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Trước khi cưới chúng tôi có được tìm hiểu và đến với nhau tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc. Sau ngày cưới tôi và anh T chung sống với nhau tại xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên cùng nhà với bố mẹ anh T. Vợ chồng tôi không ai có tài sản riêng trước khi kết hôn.

Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do anh T chơi bời, không chịu làm ăn, không chăm lo cho gia đình và không chung thủy. Do mâu thuẫn từ tháng 9/2022 tôi mang con về nhà ngoại ở xóm Đ, xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên ở và đã chuyển luôn hộ khẩu về nhà ngoại sinh sống. Từ tháng 9/2022 thì vợ chồng tôi sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Đến nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Tôi và anh T có 01 con chung là Nguyễn Lâm O, sinh ngày 09/10/2020. Hiện nay cháu O đang ở cùng tôi tại xóm Đ, xã P và do tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay tôi đang làm công nhân ở Công ty M1, thu nhập khoảng 5.000.000đ/ tháng đủ khả năng để nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp trong gia đình: Tôi không có yêu cầu, đề nghị gì.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Văn T đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng anh T không có mặt. Tại biên bản xác minh ngày 09/5/2023 tại gia đình anh Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn C là bố đẻ của anh T cung cấp là chị Lâm Thị Ngọc M và anh Nguyễn Văn T kết hôn năm 2020, có được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã T theo quy định. Quá trình chung sống anh T và chị M có 01 con chung là cháu Nguyễn Lâm O, sinh ngày 09/10/2020. Về tài sản chung anh T và chị M ở cùng gia đình nhà ông C nên không có tài sản chung, về nợ chung không có. Về mâu thuẫn vợ chồng thì vợ chồng anh T, chị M có mâu thuẫn nguyên nhân do anh T không chung thủy, chị M đã bỏ về nhà ngoại ở xã P, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên sinh sống từ tháng 9/2022, gia đình anh T có đến đón chị M về nhưng chị M không về. Về việc chị M xin ly hôn thì anh T có biết tuy nhiên anh T có ý kiến gì, giải quyết như nào là tùy chị M.

Do anh T không đến Tòa án làm việc, vụ án không hòa giải được và được đưa ra xét xử tại phiên tòa công khai hôm nay.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn T, về con chung chị M xin được nuôi con chung, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản: chị M không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện VKS phát biểu: Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định. Các đương sự chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị **Lâm Thị Ngọc M**, cho chị **M** được ly hôn anh **Nguyễn Văn T**. Về con chung: Giao con chung **Nguyễn Lâm O**, sinh ngày 09/10/2020 cho chị **M** trực tiếp nuôi dưỡng. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét. Về án phí: Chị **M** phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra công khai tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, bị đơn anh **Nguyễn Văn T** cư trú tại **xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên**, căn cứ Điều khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn anh **Nguyễn Văn T** đã được Tòa án triệu tập lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh **T**.

[2] Về nội dung: Chị **Lâm Thị Ngọc M** và anh **Nguyễn Văn T** kết hôn năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên** theo quy định pháp luật. Do đó được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị **M** xác định quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2022, nguyên nhân là do anh **T** chơi bời, không chịu làm ăn, không chăm lo cho gia đình và không chung thủy. Từ tháng 9/2022 vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Tại biên bản xác minh ngày 09/5/2023 ông **Nguyễn Văn C** là bố đẻ anh **T** cũng cung cấp là vợ chồng anh **T** chị **M** có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 9/2022 đến nay, gia đình cũng giúp hòa giải mâu thuẫn nhưng không thành. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị **M** và anh **T** đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của chị **M**, cho chị **M** được ly hôn anh **T**.

Về con chung: Chị **M** và anh **T** có 01 con chung là **Nguyễn Lâm O**, sinh ngày 09/10/2020. Hội đồng xét xử xét thấy chị **M** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung và cũng có điều kiện để đảm bảo cuộc sống cho con. Cháu **Nguyễn Lâm O**

sinh ngày 09/10/2020, thuộc trường hợp con chung chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần giao cho chị **M** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị **M** không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị **M** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Lâm Thị Ngọc M**, cho chị **M** được ly hôn anh **Nguyễn Văn T**.

2. Về con chung: Giao cho chị **Lâm Thị Ngọc M** trực tiếp nuôi dưỡng con chung **Nguyễn Lâm O**, sinh ngày 09/10/2020 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh **T** có quyền đi lại thăm nom con chung, chăm sóc giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do chị **M** không yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các khoản cho vay: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết do đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị **M** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai số 0004217 ngày 03/03/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho chị **M** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh **T** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- UBND cấp xã;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

Nguyễn Duy Khánh

,